TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2024
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương**
2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị P**, sinh năm 19…
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.
2. Bị đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 19…
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Thị P có mặt, anh Danh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 của chị Thị P, bản tự khai của chị Thị P, nội dung phiên không hòa giải được ngày 29/12/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Thị P trình bày:*

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Danh T đi đến hôn nhân vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/10/2011 và đã được UBND thị trấn Minh Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 03 người con chung là Danh Thành Minh, sinh ngày 30/4/2000, Danh Huỳnh, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Danh Gia

Bảo, sinh ngày 30/5/2011 đang do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không có tài sản chung; không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt do anh Danh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Danh T.

- Về con chung: Cho tôi được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Gia Bảo, sinh ngày 30/5/2011 cho đến khi cháu Danh Gia Bảo tròn 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Danh T cấp dưỡng nuôi cháu Danh Gia Bảo. Riêng Danh Thành Minh, sinh ngày 30/4/2000 và Danh Huỳnh, sinh ngày 19/8/2003 đã trưởng thành thì tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ai là người nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi Danh Thành Minh, Danh Huỳnh.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Danh T theo quy định của pháp luật nhưng anh Danh T không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Danh T.

* *Tại phiên tòa,* chị Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị P; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Thị P và anh Danh T do chị Thị P không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Thị P và anh Danh T thiết lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 28/8/2023, chị Thị P khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Danh T và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Thị P và anh Danh T; anh Danh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Danh T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Danh T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16/01/2024 cho anh Danh T theo quy định của pháp luật, anh Danh T vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Thị P, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Danh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị P:

2.1. Về hôn nhân: Chị Thị P và anh Danh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011 và đã được UBND thị trấn Minh Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 322 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Thị P và anh Danh T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

Xét rằng: Tuy anh Danh T không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo các các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Danh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại khu phố Mthị trấn M, huyện C, tỉnh K; chị Thị P và anh Danh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011, có ba người con chung là Danh Thành Minh, sinh ngày 30/4/2000, Danh Huỳnh, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Danh Gia Bảo, sinh ngày 30/5/2011 đang do chị Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Danh T không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa anh Danh T và chị Thị P- chứng tỏ anh Danh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Thị P. Tại phiên tòa, chị Thị P vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Danh T. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Thị P và anh Danh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị P đối với anh Danh T.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Như đã nêu trên, chị Thị P và anh Danh T có ba người con chung là Danh Thành Minh, sinh ngày 30/4/2000, Danh Huỳnh, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Danh Gia Bảo, sinh ngày 30/5/2011.

Xét rằng: Từ khi chị Thị P và anh Danh T ly thân đến nay thì cả 03 người con chung của chị Thị P và anh Danh T được chị Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay Danh Thành Minh và Danh Huỳnh đã trưởng thành; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Danh Gia Bảo vào ngày 20/11/2023 (BL 23), quyền lợi về mọi mặt

của cháu Danh Gia Bảo và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu Danh Gia Bảo, Tòa án chấp nhận cho chị Thị P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Gia Bảo, sinh ngày 30/5/2011 cho đến khi cháu Danh Gia Bảo tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thị P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Phượng không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị P.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Thị P phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị P phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị P không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị P và anh Danh T.

2- Về con chung: Cho chị Thị P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Gia Bảo, sinh ngày 30/5/2011 cho đến khi cháu Danh Gia Bảo tròn 18 tuổi; anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí:

Chị Thị P phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị P phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị P không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Chị Thị P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (01/02/2024); anh Danh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND tt Minh Lương, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương